

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**Ngành: Ngôn ngữ Anh**  
**Mã số: 7220201CLC**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN, ngày tháng 8 năm 2019  
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1 Một số thông tin về ngành đào tạo**

**- Tên ngành đào tạo:**

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tiếng Anh: English

**- Mã số ngành đào tạo:** 7220201

**- Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân

**- Thời gian đào tạo:** 04 năm

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (Chương trình chất lượng cao)

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in English (Honors Program)

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

**2 Mục tiêu của CTĐT**

**- Mục tiêu chung:**

Với triết lý giáo dục tri nhận xã hội, lấy người học làm trung tâm, nâng cao năng lực tự chủ của người học, Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân chất lượng cao (CLC) ngành Ngôn ngữ Anh thiết kế theo hướng học tập trải nghiệm sáng tạo, hướng dẫn người học phương pháp tự lĩnh hội tri thức và hoàn thiện kỹ năng thông qua các hoạt động thực hành khám phá và trải nghiệm thực tế. Chương trình đào tạo cử nhân có năng lực ngôn ngữ thành thạo, có kỹ năng biên-phiên dịch, có kiến thức và kỹ năng về kinh tế - tài chính, có kiến thức về đất nước, văn hóa, xã hội các quốc gia nói tiếng Anh. Cử nhân tốt nghiệp CTĐT có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, kinh tế - tài chính. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

### - Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh chất lượng cao đào tạo ra những nhà chuyên môn hội tụ 6 nhóm năng lực sau:

- **Kiến thức, năng lực tiếng Anh:** Có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu);
- **Kiến thức, năng lực ngoại ngữ 2:** Sử dụng tốt một ngoại ngữ ở bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu);
- **Kiến thức, năng lực về đất nước, văn hóa - xã hội:** Hiểu biết về đất nước, văn hóa, con người, xã hội các nước nói tiếng Anh. Có những hiểu biết nhất định về văn hóa các nước Asean và các nước Châu Á. Có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức này vào trong công việc, cuộc sống, và trong giao tiếp liên văn hóa;
- **Kiến thức, năng lực biên - phiên dịch:** Hiểu biết cơ bản về lý thuyết dịch, về phương pháp dịch thuật, có khả năng biên phiên dịch cặp ngôn ngữ Anh-Việt, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại;
- **Kiến thức, năng lực về kinh tế - tài chính:** Nắm vững các khái niệm và nguyên lý cơ bản về kinh tế - tài chính. Có khả năng vận dụng sáng tạo những hiểu biết này vào trong công việc và phát triển kỹ năng nghề nghiệp sau này;
- **Kỹ năng bổ trợ:** Có những kỹ năng cần thiết để đáp ứng tốt yêu cầu công việc và phát triển bản thân như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc hợp tác, kỹ năng tư duy phản biện, năng lực xác định và giải quyết vấn đề, khả năng linh hoạt, thích ứng cao trong môi trường sống và làm việc cạnh tranh đa văn hóa và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc và cuộc sống.

### 3 Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** thi tuyển, xét tuyển theo Đề án tuyển sinh được Bộ GDĐT và ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.
- **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước, đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo theo các tổ hợp xét tuyển Trường đã công bố.

## **Phần II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### **1.1 Kiến thức chung**

Tốt nghiệp CTĐT, SV có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa-xã hội, nắm vững kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong các lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; có các kiến thức, năng lực cụ thể theo các nhóm sau:

- Vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lê-nin, Kinh tế chính trị Mác Lê-nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tổng hợp được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;
- Có trình độ ngoại ngữ 2 đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;
- Khai thác được các kiến thức tin học nâng cao, các kỹ năng sử dụng và khai thác công nghệ thông tin tiên tiến nhằm phục vụ công việc và các tính toán thống kê đơn giản;
- Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng;
- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

## **1.2 Kiến thức theo lĩnh vực**

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới, có vốn hiểu biết tốt về địa lý Việt Nam và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Anh;
- Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và vận dụng vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương;
- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, và mối quan hệ của kinh tế quốc tế vào trong thực tế công việc và cuộc sống;
- Hiểu biết về văn hóa các nước Châu Á và vận dụng, sáng tạo được những hiểu biết đó trong giao tiếp, công việc và cuộc sống.

## **1.3 Kiến thức theo khối ngành**

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;
- Hiểu rõ bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa học, dụng học tiếng Việt để vận dụng vào việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp sau này;
- Vận dụng được kỹ năng sử dụng tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt;
- Hiểu biết tri thức văn hoá - xã hội, nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả;
- Hiểu biết về văn hóa các nước ASEAN và vận dụng, sáng tạo được những hiểu biết đó trong giao tiếp, công việc và cuộc sống.

## **1.4 Kiến thức theo nhóm ngành**

- Áp dụng được những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm học và Âm vị học Tiếng Anh, phát âm đúng, sử dụng trong việc phiên dịch và góp phần nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm;
- Vận dụng một cách hệ thống các kiến thức về ngữ pháp và ngữ nghĩa tiếng Anh trong quá trình giao tiếp; nắm được những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa và vận dụng những kỹ năng này vào trong công việc chuyên môn;
- Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về dụng học tiếng Anh, ngôn ngữ học xã hội, phân tích diễn ngôn, phân tích diễn ngôn phê phán, và các quá trình thụ đắc ngôn ngữ, từ đó

thực hiện được những phân tích đơn giản, đưa ra một số nhận định có căn cứ về việc học và sản sinh ngôn ngữ, ứng dụng những hiểu biết này một cách linh hoạt trong công việc liên quan đến phân tích ngôn ngữ trong dịch thuật;

- Vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các kiến thức về ngôn ngữ, văn học, giao tiếp liên văn hóa giữa các quốc gia nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào trong công việc và cuộc sống; có thể so sánh những nét tương đồng và khác biệt trong văn hóa của Việt Nam và với các quốc gia nói Tiếng Anh;

- Hiểu các kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hóa nói chung, giao tiếp liên văn hoá giữa các quốc gia nói Tiếng Anh, lí giải được nguyên nhân của các hiện tượng “sốc” văn hóa, nắm được các qui tắc ứng xử, phép lịch sự, v.v. và vận dụng những kiến thức đó vào cuộc sống và công việc chuyên môn để lựa chọn phương cách ứng xử phù hợp trong môi trường liên văn hóa, đa văn hóa hiện nay;

- Có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam và vận dụng năng lực này vào trong công việc và cuộc sống, giao tiếp liên văn hóa.

## **1.5 Kiến thức ngành**

- Vận dụng các kiến thức về lý thuyết và thực hành nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác chuyên môn trong văn phòng, công ty, doanh nghiệp;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về kinh tế - tài chính, quản trị doanh nghiệp, nguyên lý và chiến lược marketing để phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc; bước đầu hình thành các ý tưởng, xây dựng, tham gia, thực hiện các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh doanh;

- Tổng hợp, vận dụng kiến thức và kĩ năng tích lũy được trong quá trình thực tế và thực tập tại các cơ quan doanh nghiệp tại Việt Nam hoặc nước ngoài để hội nhập nhanh và làm việc sáng tạo trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa.

## **2 Chuẩn đầu ra về kĩ năng**

### **2.1 Kĩ năng nghề nghiệp**

#### **2.1.1 Các kĩ năng nghề nghiệp**

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu

mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh; có khả năng diễn đạt vấn đề ở hình thức nói và viết một cách rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong; có khả năng biên tập tốt;
- Có khả năng quản lí thời gian;
- Có khả năng tập trung cao độ, biết vượt qua các áp lực về tâm lý, thời gian, khối lượng công việc;
- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân;
- Có khả năng áp dụng kiến thức rộng kết hợp sâu sắc những khái niệm lí thuyết;
- Có khả năng áp dụng những khái niệm lí thuyết và kĩ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau;
- Có khả năng thường xuyên đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị;
- Có kĩ năng thích ứng, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kĩ năng phân tích và tổng hợp.

### ***2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề***

- Vận dụng lí luận của chủ nghĩa Mác Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và cống hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội;
- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.

### ***2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức***

- Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

#### **2.1.4 Khả năng tư duy theo hệ thống**

- Tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận, xử lý các vấn đề chuyên môn về ngôn ngữ và văn hóa, dịch thuật Việt-Anh và các vấn đề liên quan đến kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

#### **2.1.5 Khả năng thích ứng với bối cảnh lịch sử xã hội và ngoại cảnh**

- Có năng lực nhận thức xã hội, khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

#### **2.1.6 Khả năng thích ứng với bối cảnh tổ chức**

- Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của đơn vị để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của đơn vị trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

#### **2.1.7 Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm công tác dịch thuật, hiểu biết và sử dụng các chiến lược, khả năng quyết định mức độ tin cậy dựa theo công việc biên dịch và chức năng văn bản, học cách đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá chéo;

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế sử dụng các thông tin thu được vào công việc.

#### **2.1.8 Năng lực sáng tạo phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp**

- Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

## **2.2 Kỹ năng chung**

### **2.2.1 Các kỹ năng cá nhân**

- Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

### **2.2.2 Kỹ năng làm việc theo nhóm**

- Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

### **2.2.3 Kỹ năng quản lý và lãnh đạo**

- Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

### **2.2.4 Kỹ năng giao tiếp**

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết;

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

### **2.2.5 Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ**

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức thành thạo, có thể hiểu rõ nội dung của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng tiếng Anh để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn trong công việc; có thể viết được báo cáo, văn bản và trình bày ý kiến trong công việc chuyên môn liên quan đến các nội dung về ngôn ngữ, kinh tế, văn hóa, xã hội;

- Kỹ năng ngoại ngữ thứ hai: Có năng lực giao tiếp tốt, năng lực ngoại ngữ 2 đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, có thể sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp và xử lý các tình huống trong công việc.

### **2.2.6 Các kỹ năng bổ trợ khác**

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn (EView, SPSS...); thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu;



- Các kĩ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

### **3 Phẩm chất đạo đức**

#### **3.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của SV trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng;

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;

- Các phẩm chất đạo đức cá nhân cốt lõi của SV sau khi tốt nghiệp gồm:

+ **Nhân ái:** Khoan dung, cảm thông, chia sẻ, cởi mở với mọi người.

+ **Năng động:** Nhiệt tình, chủ động, say mê sáng tạo trong công việc và trong cuộc sống; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc; có khả năng dẫn thân.

+ **Tự tin:** Hiểu rõ năng lực bản thân, dám đương đầu với rủi ro, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; kiên trì, nhẫn nại; biết kiềm chế, điều tiết cảm xúc và tìm sự cân bằng trong cuộc sống; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

#### **3.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;

- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch và các công việc khác; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;

- Biết quản lí thời gian, kĩ năng thích ứng, kĩ năng học và tự học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kĩ năng phân tích, tổng hợp;

- Biết ứng xử tốt, thân thiện, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

### **3.3 Phẩm chất đạo đức xã hội**

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân. Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

## **4 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

## **5 Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

**Nhóm 1 – Biên dịch viên/Phiên dịch viên/Biên tập viên:** có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường và cấp lãnh đạo cơ quan, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Anh, biên tập và truyền tin hàng ngày ở các vị trí phiên dịch, biên tập viên, phóng viên và chuyên gia hiệu đính bản tin các chương trình thời sự, văn hóa xã hội của các cơ quan thông tấn, báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh... Đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

**Nhóm 2 – Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Nhân viên kinh doanh, văn phòng/Hướng dẫn viên du lịch/Điều phối dự án:** có khả năng làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh;

**Nhóm 3 - Giáo viên:** Người học có nhu cầu chuyển sang công tác giảng dạy tiếng Anh sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy tiếng Anh tại các trường Đại học, Cao đẳng và THPT;

**Nhóm 4 - Nghiên cứu viên:** Người học có thể làm nghiên cứu viên trong các trung tâm nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ hoặc tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ Anh và học lên trình độ cao học cùng chuyên ngành. Người học có thể tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ Anh và học lên trình độ cao học cùng chuyên ngành;

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh chương trình đào tạo Chất lượng cao có thể vận dụng các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ cần thiết đảm nhiệm các vị trí công tác đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội cũng như bắt nhịp được với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn đời sống xã hội; đặc biệt, cử nhân hệ đào tạo Chất lượng cao có thể làm chủ, dẫn dắt sự thay đổi cần thiết theo hướng tích cực.

## 6 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến công việc dịch thuật, các công việc văn phòng, các công tác nghiên cứu và giảng dạy;

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có cơ hội học lên bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, văn hóa, kinh tế - tài chính.

Có thể khái quát chuẩn đầu ra về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất thái độ, vị trí việc làm của chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh như sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>1</b>	<b>Kiến thức</b>
	<i>Khối kiến thức chung</i>
1.1	Vận dụng được kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình học và làm việc.
1.2	Sử dụng tốt một ngoại ngữ ở bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
	<i>Khối kiến thức theo lĩnh vực</i>
1.3	Xác định được các khái niệm cơ bản, đặc trưng địa lý, môi trường và kinh tế vi mô-vĩ mô; hiểu mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế tại địa phương.

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung CDR</b>
	<i>Khối kiến thức theo khối ngành</i>
1.4	Vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa cộng đồng Châu Á, các nước trong khu vực Đông Nam Á trong sự tương quan so sánh với Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam vào trong công việc, cuộc sống và trong giao tiếp liên văn hóa.
1.5	Vận dụng các kỹ năng tư duy phê phán, lô gích, phương pháp luận nghiên cứu khoa học để thực hiện một nghiên cứu liên quan đến ngành đào tạo.
	<i>Khối kiến thức theo nhóm ngành</i>
1.6	Thể hiện kiến thức sâu về đất nước, ngôn ngữ và văn hóa trong bối cảnh lịch sử, chính trị và văn hóa của các nước nói tiếng Anh nói riêng và thế giới nói chung.
1.7	Sử dụng thành thạo tiếng Anh ở Bậc 5 hoặc cao hơn theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngoại ngữ.
	<i>Khối kiến thức ngành</i>
1.8	Hiểu rõ về những khác biệt ngôn ngữ giữa cặp ngôn ngữ Anh-Việt để có thể vận dụng tạo lập những diễn ngôn hiệu quả trong nhiều bối cảnh đa văn hóa.
1.9	Vận dụng được những nguyên tắc và kiến thức về biên phiên dịch để thực hiện dịch cặp ngôn ngữ Anh-Việt, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - tài chính.
1.10	Vận dụng hiệu quả những kiến thức nền tảng về kinh tế - tài chính để phân tích, đánh giá, tổng hợp, giải quyết các vấn đề liên quan tới kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.
<b>2</b>	<b>Kĩ năng</b>
2.1	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>
2.1.1	Có các kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành đào tạo vào những bối cảnh khác nhau, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và xử lý dữ liệu, kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện và năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
2.1.2	Có kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học tập và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức lĩnh hội được và những kỹ năng chuyên môn vào những tình huống khác nhau trong thực tiễn nghề nghiệp.

Mã CDR	Nội dung CDR
2.1.3	Có khả năng lập luận, tư duy và giải quyết vấn đề dựa vào việc vận dụng đúng đắn phương pháp luận phù hợp (như lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, v.v.) trên cơ sở nắm bắt được quy luật khách quan, xu thế thời đại, thực tiễn đất nước, đường lối của Đảng và Nhà nước.
2.1.4	Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, biết cách thu thập và xử lý thông tin; có khả năng tư duy logic, hệ thống, v.v. để tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác; có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi của ngoại cảnh như bối cảnh tổ chức, bối cảnh kinh tế, xã hội trong và ngoài nước.
2.1.5	Có khả năng vận dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức, kỹ năng vào hoạt động nghề nghiệp, vào phân tích tình hình, nhận diện vấn đề và xử lý những vấn đề nảy sinh trong hoạt động thực tiễn và thúc đẩy sự thay đổi trong nghề nghiệp.
2.1.6	Thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có ý nghĩa trong các lĩnh vực biên – phiên dịch và kinh tế - tài chính.
2.1.7	Thể hiện khả năng thích ứng nhanh trong môi trường công việc và biên - phiên dịch hiệu quả cặp ngôn ngữ Anh - Việt trong các bối cảnh thường gặp (hội thảo, phỏng vấn, dự án hợp tác giữa các cá nhân/ tổ chức) với tác phong chuyên nghiệp.
2.1.8	Thể hiện khả năng tư duy hệ thống, lập luận, phân tích logic các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế - tài chính và đưa ra những hướng giải quyết cụ thể phù hợp với sự thay đổi.
2.2	<i>Kỹ năng chung</i>
2.2.1	Áp dụng những kỹ năng bổ trợ cơ bản (kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phê phán và giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và xử lý tình huống, linh hoạt, thích ứng, sáng tạo và đổi mới) trong học tập và công việc thực tế.
<b>3</b>	<b>Phẩm chất</b>
3.1	<i>Phẩm chất chung</i>
3.1.1	Thể hiện cam kết và trách nhiệm trong việc đóng góp cho chuyên ngành học và nghề nghiệp với tư cách là một nhà lãnh đạo hiệu quả hoặc là một thành viên của một nhóm làm việc hợp tác và thành công.
3.2	<i>Phẩm chất nghề nghiệp</i>
3.2.1	Vận dụng hiệu quả quy tắc ứng xử của một biên dịch viên/ phiên dịch viên chuyên nghiệp (bảo mật thông tin của khách hàng, biên – phiên dịch

Mã CDR	Nội dung CDR
	với sự chính xác, công bằng, khách quan, đảm bảo đúng giờ và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng)
3.2.2	Thể hiện tư duy và tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo ra cái mới dựa trên những kiến thức về kinh tế - tài chính đã học, ý thức về việc rèn luyện và xây dựng phẩm chất chính trực, liêm chính trong các hoạt động liên quan đến kinh tế - tài chính.
<b>4</b>	<b>Tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>
4.1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
4.2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
4.3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
4.4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## PHẦN I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1 Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:</b>	<b>152</b>	<b>tín chỉ</b>
<b>- Khối kiến thức chung:</b>	<b>21</b>	<b>tín chỉ</b>
<i>(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)</i>		
<b>- Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>12</b>	<b>tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/15</i>	<i>tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>14</b>	<b>tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>10</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/16</i>	<i>tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức chung theo nhóm ngành</b>	<b>54</b>	<b>tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>48</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/27</i>	<i>tín chỉ</i>
<b>- Khối kiến thức ngành</b>	<b>51</b>	<b>tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>24</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>15/39</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>12</i>	<i>tín chỉ</i>

## 2 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		<b>Khối kiến thức chung</b> (không tính các học phần 8-9)	<b>21</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15		
2	PHI1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	20	10		
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	20	10		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	20	10		
6		Ngoại ngữ chất lượng cao 1	5	30	75	15	
	FLF1307*	Tiếng Pháp chất lượng cao 1 <i>French Fast-track 1</i>					
	FLF1407*	Tiếng Trung Quốc chất lượng cao 1 <i>Chinese Fast-track 1</i>					
	FLF1507*	Tiếng Đức chất lượng cao 1 <i>German Fast-track 1</i>					
	FLF1607*	Tiếng Nhật chất lượng cao 1 <i>Japanese Fast-track 1</i>					
	FLF1707*	Tiếng Hàn Quốc chất lượng cao 1 <i>Korean Fast-track 1</i>					



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	FLF1807*	Tiếng Tây Ban Nha chất lượng cao 1 <i>Spanish Fast-track 1</i>					
	FLF1907*	Tiếng Thái Lan chất lượng cao 1 <i>Thai Fast-track 1</i>					
	FLF2107*	Tiếng Ý chất lượng cao 1 <i>Italian Fast-track 1</i>					
	FLF2207*	Tiếng Lào chất lượng cao 1 <i>Laotian Fast-track 1</i>					
7		Ngoại ngữ chất lượng cao 2	5	40	100	10	
	FLF1308****	Tiếng Pháp chất lượng cao 2 <i>French Fast-track 2</i>					
	FLF1408****	Tiếng Trung Quốc chất lượng cao 2 <i>Chinese Fast-track 2</i>					
	FLF1508****	Tiếng Đức chất lượng cao 2 <i>German Fast-track 2</i>					
	FLF1608****	Tiếng Nhật chất lượng cao 2 <i>Japanese Fast-track 2</i>					
	FLF1708****	Tiếng Hàn Quốc chất lượng cao 2 <i>Korean Fast-track 2</i>					
	FLF1808****	Tiếng Tây Ban Nha chất lượng cao 2 <i>Spanish Fast-track 2</i>					
	FLF1908****	Tiếng Thái Lan chất lượng cao 2 <i>Thai Fast-track 2</i>					
	FLF2108****	Tiếng Ý chất lượng cao 2					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Italian Fast-track 2</i>					
	FLF2208****	Tiếng Lào chất lượng cao 2 <i>Laotian Fast-track 2</i>					
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>	<b>12</b>				
<b>II.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>6</b>				
10	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc đại học <i>Skills for University Success</i>	3	27	15	3	σ
11	ENG2046****	Kinh tế vi mô - vĩ mô <i>Micro &amp; Macro Economics</i>	3	27	15	3	
<b>II.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>6/15</b>				
12	ENG1001B	Địa lý đại cương <i>General Geography</i>	3	30	10	5	ENG4026*
13	ENG1002	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	3	30	10	5	ENG4026*
14	FLF1005****	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á <i>Understanding Asian Community</i>	3	27	15	3	
15	FLF1007	Công nghệ thông tin và truyền thông <i>Information and Communications Technology</i>	3	27	15	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
16	TOU3017	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao <i>Communication and Diplomatic Reception Etiquette</i>	3	27	15	3	
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>14</b>				
<b>III.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>10</b>				
17	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	3	30	10	5	
18	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học <i>Introduction to Vietnamese Linguistics</i>	3	30	10	5	
19	FLF1003	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	2	15	13	2	
20	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN <i>Introduction to Southeast Asian Cultures</i>	2	20	8	2	
<b>III.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>4/16</b>				
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	15	15		
22	VLF1053	Tiếng Việt thực hành <i>Practical Vietnamese</i>	2	20	6	4	
23	PHI1051	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	2	20	6	4	
24	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật <i>Artistry</i>	2	20	10		
25	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>History of World Civilization</i>	2	22	7	1	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
26	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	2	15	13	2	
27	PSF3002	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	20	8	2	
28	FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu <i>Understanding European Community</i>	2	15	13	2	
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>54</b>				
<i>IV.1</i>		<i>Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa</i>	<i>18</i>				
<i>IV.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
29	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 <i>English Linguistics 1</i>	3	27	15	3	ENG4029*
30	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2 <i>English Linguistics 2</i>	3	27	15	3	ENG2055
31	ENG2052	Đất nước học Anh-Mỹ <i>British-American Country Studies</i>	3	27	15	3	ENG4029*
32	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	3	27	15	3	ENG4029*
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/42</i>				
33	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu <i>World Englishes</i>	3	27	15	3	ENG2055
34	ENG3085	Toàn cầu hóa <i>Globalization</i>	3	27	15	3	ENG4029*
35	ENG3015***	Chủ đề quốc tế học <i>World Topics</i>	3	27	15	3	ENG4029*
36	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	27	15	3	ENG2054

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Language, Culture and Society</i>					
37	ENG3077***	Văn học và giao tiếp <i>Literature and Communication</i>	3	27	15	3	ENG4029*
38	ENG2044***	Văn minh phương Tây <i>Western Civilization</i>	3	27	15	3	ENG4029*
39	ENG2045***	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh <i>Culture and Politics in Business</i>	3	27	15	3	ENG4029*
40	ENG2057	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>	3	27	15	3	ENG2055
41	ENG3057	Ngữ nghĩa học <i>Semantics</i>	3	27	15	3	ENG2055
42	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột <i>Intercultural Communication and Conflict Resolution</i>	3	10	30	5	
43	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình <i>Presentation Skills</i>	3	10	30	5	
44	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp <i>English for Business and Entrepreneurship</i>	3	10	30	5	
45	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp <i>English for Career Development</i>	3	10	30	5	
<b>IV.2</b>		<b>Khối kiến thức tiếng</b>	<b>36</b>				
46	ENG4021*	Tiếng Anh 1A <i>English 1A</i>	4	32	80	8	
47	ENG4022*	Tiếng Anh 1B <i>English 1B</i>	4	32	80	8	
48	ENG4023*	Tiếng Anh 2A	4	32	80	8	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>English 2A</i>					
48	ENG4024*	Tiếng Anh 2B <i>English 2B</i>	4	32	80	8	
50	ENG4025*	Tiếng Anh 3A <i>English 3A</i>	4	32	80	8	
51	ENG4026*	Tiếng Anh 3B <i>English 3B</i>	4	32	80	8	
52	ENG4028*	Tiếng Anh 4A <i>English 4A</i>	4	32	80	8	
53	ENG4029*	Tiếng Anh 4B <i>English 4B</i>	4	32	80	8	
54	ENG4030**	Tiếng Anh 4C <i>English 4C</i>	2	32	80	8	
55	ENG2047***	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng <i>Public Speaking</i>	2	20	40	0	
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>51</b>				
<b>V.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>24</b>				
56	ENG3049	Lý thuyết dịch <i>Translation Theory</i>	3	30	10	5	ENG3030
57	ENG3062	Phiên dịch <i>Interpretation</i>	3	20	20	5	ENG4029*
58	ENG3030	Biên dịch <i>Translation</i>	3	20	20	5	ENG4029*
59	ENG3032	Nghiệp vụ biên-phiên dịch <i>Professional skills for Translators and Interpreters</i>	3	20	20	5	ENG3049, ENG3062
60	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	20	20	5	
61	BSA2002	Nguyên lý marketing <i>Introduction to Marketing</i>	3	20	20	5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
62	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	20	20	5	
63	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp <i>Innovative and Entrepreneurial Mindset</i>	3	10	30	5	
<b>V.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>15/39</b>				
V.2.1		<i>Chuyên sâu</i>	9/15				
64	ENG3006	Biên dịch nâng cao <i>Advanced Translation</i>	3	10	30	5	ENG3030
65	ENG3007	Phiên dịch nâng cao <i>Advanced Interpretation</i>	3	10	30	5	ENG3062
66	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành <i>Translation for Specific Purposes</i>	3	15	25	5	ENG3030
67	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành <i>Interpretation for Specific Purposes</i>	3	15	25	5	ENG3062
68	ENG3081***	Dịch hội thảo: lý thuyết và thực hành <i>Conference Interpretation: Theories and Practice</i>	3	25	15	5	ENG3030, ENG3062
69	ENG2060	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse Analysis</i>	3	27	15	3	ENG2055
V.2.2		<i>Bổ trợ</i>	6/24				
70	ENG3018***	Tiếp thị kỹ thuật số <i>Digital Marketing</i>	3	20	20	5	
71	ENG3025***	Quản trị doanh nghiệp <i>Corporate Governance</i>	3	20	20	5	
72	ENG3026***	Thị trường và định chế tài chính	3	20	20	5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Financial Markets and Institutions</i>					
73	ENG3044***	Tiền tệ và ngân hàng <i>Money and Banking</i>	3	20	20	5	
74	ENG3060***	Quan hệ con người trong quản lý <i>Human Relations in Management</i>	3	20	20	5	
75	ENG3073	Tiếng Anh tài chính - ngân hàng <i>English for Finance and Banking</i>	3	27	15	3	
76	ENG3070	Tiếng Anh du lịch <i>English for Tourism</i>	3	27	15	3	
77	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh <i>English for Business Communication</i>	3	27	15	3	
<b>V.3</b>		<b><i>Kiến tập - Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp</i></b>	<b>12</b>				
78	ENG4050***	Kiến tập <i>Observation</i>	2				
79	ENG4001*	Thực tập <i>Internship</i>	3				
80	ENG4054**	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation paper</i>	7				
<b>Tổng cộng</b>			<b>152</b>				

**Ghi chú:** Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(\*): Cùng tên học phần, cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;  
(\*\*): Cùng tên học phần nhưng khác số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;

(\*\*\*): Học phần mới nhằm đạt chuẩn cao hơn của CTĐT.  
Các học phần nâng cao này được tổ chức giảng dạy riêng.